

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/3/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Nguyễn Quang Vinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 25/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2020 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2020 giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**2. Bị đơn:** Anh Trần Văn S, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Trần Văn S vào ngày 31/7/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh S. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến đầu năm 2019, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh S không có lập trường, thường nghe theo bố mẹ đẻ rồi chửi bới, to tiếng với chị. Do chị đi làm công ty thường hay về muộn nên anh S và gia đình thường xuyên nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên anh S và bố đẻ anh S nhiều lần đuổi chị ra khỏi nhà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Trần Thị Mai Lan, sinh ngày 26/12/2013 và Trần Văn Khang, sinh ngày 11/12/2015. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Mai Lai, đồng ý cho anh S nuôi dưỡng cháu Trần Văn Khang.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Trần Văn S trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Về quá trình chung sống, vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, to tiếng, cãi chửi nhau do chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Tuy nhiên anh đã bỏ qua cho chị L để vợ chồng chung sống nuôi dạy con chung. Nhưng đến năm 2018 chị L lại tiếp tục có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng có nhiều lần to tiếng, cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng không có hạnh phúc. Thời gian gần đây chị L lại tiếp tục qua lại, quan hệ bất chính với một người đàn ông làm cùng công ty rồi bỏ nhà ra ngoài ở không quay về chung sống cùng với anh nữa. Anh đã nhiều lần khuyên can nhưng chị L không nghe, không thừa nhận. Trong cuộc sống vợ chồng thì chị L luôn nghĩ cho bản thân mình mà không quan tâm gì đến chồng, con và gia đình.

Anh xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nhưng anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L. Hơn nữa, do hiện nay các con chung còn nhỏ nên anh muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Vì vậy, anh không đồng ý ly hôn với chị L. Trường hợp nếu chị L để cho anh được nuôi dưỡng cả hai con chung thì anh mới đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Trần Thị Mai Lan, sinh ngày 26/12/2013 và Trần Văn Khang, sinh ngày 11/12/2015. Hiện nay cả hai con chung đều đang ở cùng với anh. Các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Lý do anh xin nuôi dưỡng cả hai con chung là vì chị L đã đi theo chung sống với người đàn ông khác, không có đủ tư cách để nuôi con. Hơn nữa, chị L thường xuyên phải đi làm, không có thời gian, không có ai chăm sóc cho con chung. Nên chị L không thể nuôi con chung được.

Hiện nay anh đang làm công nhân, sáng đi tối về nhà, thu nhập bình quân là hơn 9.000.000đ/ tháng. Khi ở nhà có bố mẹ anh trông nom, chăm sóc cho các con chung nên anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình anh S thấy: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh S, chị L hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị L có nhiều biểu hiện quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Vợ chồng anh S, chị L thường xuyên to tiếng, đánh cãi, chửi nhau. Đến cuối năm 2019, vợ chồng anh S, chị L mâu thuẫn trầm trọng, chị L đã tự ý bỏ nhà đi không quay về chung sống cùng anh S nữa. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh S; đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lan, đồng ý để anh S nuôi dưỡng cháu Khang.

Anh S không đồng ý ly hôn với chị L và anh xin được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật.

- Nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Mai Lan, sinh ngày 26/12/2013; giao cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn Khang, sinh ngày 11/12/2015.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn S có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2013 tại UBND xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh S là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị L, anh S phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại gia đình anh S đều xác định vợ chồng chị L, anh S có xảy ra nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi nhau, xô xát đánh nhau từ đầu năm 2019 và đã có khoảng thời gian sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L và ý kiến của anh S không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã sảy ra từ đầu năm 2019 không thể hàn gắn được và ngày càng trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh S.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh S có 02 con chung là Trần Thị Mai Lan, sinh ngày 26/12/2013 và Trần Văn Khang, sinh ngày 11/12/2015. Ly hôn chị L xin được nuôi dưỡng cháu Lan, đồng ý để anh S nuôi dưỡng cháu Khang; anh S đề nghị xin được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng con chung: Cả L, anh S hiện nay đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung. Để đảm bảo cho các con phát triển tốt về mọi mặt, đảm bảo về phát triển kinh tế của người nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao cho mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung theo ý kiến của chị L là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L, anh S đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị L, anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L, anh S thực hiện quyền này.

Chị L, anh S có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L, anh S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Mai Lan, sinh ngày 26/12/2013; giao cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Văn Khang, sinh ngày 11/12/2015.

Sau khi ly hôn chị L, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị L, anh S thực hiện quyền này.

Chị L, anh S có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L, anh S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002105 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Sang**